

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Lý Công Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/QĐXX-ST ngày 23/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: 2 N, Phường H, Quận C, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm: 1991 – Chuyên viên khách hàng Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh P - Phòng G. Địa chỉ: 3 T, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2024). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Hồng L, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S**, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 07/12/2022, bà **Dương Thị Hồng L** có ký với **Ngân hàng TMCP S** Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng – số hợp đồng 2446535 ngày 07/12/2022. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình vay vốn và sử dụng thẻ tín dụng, bà **L** không trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 15/7/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 63.441.309 đồng. Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu bà **L** phải trả số tiền đã vay và cũng tạo điều kiện về thời gian cho bà **L** trả nợ. Tuy nhiên, đến nay bà **L** vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết, buộc bà **L** phải hoàn trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 06/5/2024 tổng cộng là 89.412.053 đồng (trong đó: gốc là 63.441.309 đồng, lãi là 25.970.774 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** do ông **Lê Hữu T** làm đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2024) bà **Dương Thị Hồng L** còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết số tiền tổng cộng là 94.062.220 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 63.441.309 đồng và lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, thấy: Ngày 07/12/2022, bà **Dương Thị Hồng L** có ký với **Ngân hàng TMCP S** Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – số hợp đồng 2446535 ngày hợp đồng 07/12/2022. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà **L** với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất là 33,2%/năm; đồng thời bà **L** đã đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng TMCP S**; cụ thể về hạn mức: “Chủ thẻ phải theo dõi và thực hiện các biện pháp cần thiết để dư nợ không vượt hạn mức vào bất cứ thời điểm nào. Trong trường hợp **S1** phê duyệt Giao dịch phát sinh của chủ thẻ khi không có đủ hạn mức, chủ thẻ đồng ý và có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch, tiền phí hoặc các khoản tiền khác phát sinh do vượt quá hạn mức. **S1** có thể yêu cầu thanh toán ngay lập tức số tiền vượt hạn mức hoặc toàn bộ dư nợ”.

[3] Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà **L** không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào Bản sao kê do nguyên đơn cung cấp thì đến ngày 15/4/2023, bà **L** không rút tiền và không thanh toán nữa. Đến ngày 15/7/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà **L** sang nợ gốc quá hạn là 63.441.309 đồng. Từ sau ngày 15/7/2023 đến nay, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà **L** trả nợ nhưng bà **L** vẫn không thực hiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2024), bà **L** còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 94.062.220 đồng; trong đó: tiền gốc là 63.441.309 đồng và lãi là 30.620.911 đồng. Xét thấy, việc bà **Dương Thị Hồng L** không thanh toán nợ khi đến hạn cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết; do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà **L** phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 28/6/2024 theo Hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 94.062.220 đồng; trong đó: tiền gốc là 63.441.309 đồng và lãi là 30.620.911 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S**.

Buộc bị đơn bà **Dương Thị Hồng L** phải trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** số tiền vay còn nợ đến ngày 28/6/2024 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – số hợp đồng 2446535, ngày hợp đồng 07/12/2022, tổng cộng là 94.062.220 đồng (*Chín mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi đồng*); trong đó: tiền gốc là 63.441.309 đồng và lãi là 30.620.911 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án

xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – số hợp đồng 2446535, ngày hợp đồng 07/12/2022.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn bà **Dương Thị Hồng L** phải chịu 4.703.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** 1.851.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0012872, ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Khắc Hiếu Lý Công N

Trần Lê M

